

UBND XÃ QUANG KHAI

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

DVT: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	14.399.000	TỔNG SỐ CHI	14.399.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	142.000	I. Chi đầu tư phát triển	10.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.115.000	II. Chi thường xuyên	4.399.000
III. Thu bổ sung	9.142.000	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối	4.142.000		
- Bổ sung có mục tiêu	5.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Kế toán

Hoàng Thị Cúc

Quang Khai, ngày 29 tháng 12 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022
(Dự toán trình HĐND)

ĐVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	4.894.123	4.894.123	14.399.000	14.399.000	294,21%	294,21%
I	Các khoản thu 100%	146.072	146.072	142.000	142.000	97,21%	97,21%
1	Thu phí, lệ phí	27.387	27.387	22.000	22.000	80,33%	80,33%
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu HLCS khác	70.365	70.365	70.000	70.000	99,48%	99,48%
3	Thu phạt, tịch thu theo quy định khác						
4	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định						
5	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
6	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
7	Thu khác	48.320	48.320	50.000	50.000	103,48%	103,48%
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	164.777	164.777	5.115.000	5.115.000	3104,20%	3104,20%
1	Các khoản thu phân chia	22.030	22.030	31.000	31.000	140,72%	140,72%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.381	1.381	2.000	2.000	144,82%	144,82%
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.500	4.500	4.000	4.000	89%	89%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	16.149	16.149	25.000	25.000	155%	155%
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	109.003	109.003	84.000	84.000	77%	77%
	- Thuế thu nhập cá nhân	14.271	14.271	28.000	28.000	196%	196%
	- Thuế giá trị gia tăng	94.732	94.732	56.000	56.000	59%	59%
3	Thu từ đầu giá đất	33.744	33.744	5.000.000	5.000.000	14817%	14817%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	199.395	199.395				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	9.041	9.041				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.374.838	4.374.838	9.142.000	9.142.000	209%	209%

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021		DỰ TOÁN NĂM 2022		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	- Thu bổ sung cân đối	3.858.275	3.858.275	4.142.000	4.142.000	107%	107%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	516.563	516.563	5.000.000	5.000.000	968%	968%

Kế toán



Hoàng Thị Cúc

Quang Khai, ngày 25 tháng 12 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình HĐND)

DVT: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2021			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	XDCB	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	4.894.123	0	4.894.123	14.399.000	10.000.000	4.399.000	294,21%		89,88%
	Trong đó:									
1	Chi đầu tư phát triển				10.000.000	10.000.000				
2	Chi dân quân tự vệ	275.045		275.045	256.886		256.886	107,07%		107,07%
3	Chi an ninh trật tự	88.549		88.549	88.885		88.885	99,62%		99,62%
4	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	6.000		6.000	6.000		6.000			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	252.548		252.548	58.024		58.024	435,25%		435,25%
6	Chi thể dục thể thao	10.000		10.000	8.000		8.000	125,00%		125,00%
7	Sự nghiệp môi trường	128.493		128.493						
8	Chi sự nghiệp kinh tế	27.500		27.500	27.500		27.500			
9	Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.638.119		3.638.119	3.691.069		3.691.069	98,57%		98,57%
10	Chi sự nghiệp xã hội	262.636		262.636	262.636		262.636	100,00%		100,00%
11	Chi khác									
12	Chi dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn	205.233		205.233						

Kế toán

Hoàng Thị Cúc

Quang Khải, ngày 01 tháng 01 năm 2022

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ



CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

DVT: 100

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2021	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2021	Dự toán năm 2020			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn cần đối ngân sách	
TỔNG SỐ		126.042,73		33.692,18	28.286,33	10.000,00	5.405,85	10.000,00	
<u>Công trình đã hoàn thành trước năm 2022</u>		<u>34.142,73</u>		<u>33.692,18</u>	<u>28.286,33</u>	<u>5.405,85</u>	<u>5.405,85</u>	<u>5.405,85</u>	
Hội trường UBND xã Quang Khải		6.153,30		6.137,49	6.077,99	59,51	59,51	59,51	
Công trình phụ trợ UBND xã Quang Khải		2.343,70		2.318,37	2.277,98	40,39	40,39	40,39	
Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường Trung học cơ sở		9.578,00		9.563,86	9.404,26	159,60	159,60	159,60	
Nhà hiệu bộ + phòng học 3 tầng trường Tiểu học xã Quang Khải		7.758,09		7.583,02	6.803,40	779,63	779,63	779,63	
Tường bao và nhà bảo vệ trường Tiểu học xã Quang Khải		981,16		934,44	722,70	211,73	211,73	211,73	
Cải tạo sửa chữa sân, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Quang Khải, huyện Tứ Kỳ		1.124,97		1.124,97	650,00	474,97	474,97	474,97	
Trạm Y tế xã Quang Khải		5.173,49		5.000,00	1.500,00	3.500,00	3.500,00	3.500,00	
Các hạng mục phụ trợ trường THCS Quang Khải, huyện Tứ Kỳ		1.030,02		1.030,02	850,00	180,02	180,02	180,02	
<u>Công trình khởi công mới trong năm 2022</u>		<u>91.900,00</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	<u>0,00</u>	<u>4.594,15</u>	<u>0,00</u>	<u>4.594,15</u>	
Hà tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nhữ Tinh (cạnh chợ và sân vận động)		7.000,00							
Hà tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nhữ Tinh (nối tiếp khu dân cư mới thôn Nhữ Tinh)		50.000,00							
Sân Văn động trung tâm xã		9.500,00				2.000,00		2.000,00	

